

Số: 75/KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022

Căn cứ Hiệp định Tài trợ số 5739-VN đã ký ngày 10/3/2016 giữa Hiệp hội phát triển quốc tế - IDA thuộc ngân hàng Thế giới (WB) và Việt Nam để tài trợ cho “Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/07/2010 của Chính phủ về việc cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc phê duyệt danh mục Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả”;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Văn kiện “Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB); Quyết định số 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Văn kiện “Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB); Quyết định số 4297/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Văn kiện Dự án “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” đính kèm quyết định số 1476/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Biên bản ghi nhớ của Đoàn công tác hỗ trợ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả;

Căn cứ Văn bản số 39/TCTL-BDP ngày 08/5/2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc thực hiện Biên bản ghi nhớ - Đoàn công tác hỗ trợ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả;

Căn cứ Văn bản số 2092/TCTL-NN ngày 15/11/2021 của Tổng cục Thủy lợi về việc tổng hợp kết quả thực hiện, xây dựng kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Văn bản số 4547/UBND-ĐTĐD ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc báo cáo kết quả năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn WB,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG: Chi tiết theo các biểu số 01, 02, 03 đính kèm.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN: Các căn cứ xây dựng kế hoạch: Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình; nguồn vốn được cấp để triển khai thực hiện Chương trình năm 2021; kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022 của các đơn vị liên quan gồm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn.

Nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022 gồm:

1. Hợp phần 1: Cấp nước nông thôn.

1.1. Tiểu hợp phần 1: Cấp nước cho cộng đồng dân cư:

Triển khai thực hiện 18 dự án (gồm: 12 dự án đã hoàn thành, 06 dự án đang triển khai các bước đầu tư xây dựng); với tổng nhu cầu vốn là 62.966,9 triệu đồng, trong đó:

- Dự án phục hồi, cải tạo, nâng cấp: 12 dự án.
- Dự án xây dựng mới: 06 dự án.

Dự kiến số đầu nôi đạt được trong năm 2022 là 2.098 đầu nôi.

(Chi tiết theo biểu 9,11 đính kèm).

1.2. Tiểu hợp phần 2: Cấp nước và vệ sinh cho các trường học.

Tiếp tục thực hiện thanh toán vốn cho các công trình đã hoàn thành trong năm 2021, các công trình được đầu tư xây dựng xong làm cơ sở để tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường cho các em học sinh, giúp thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức về nước sạch và vệ sinh môi trường, góp phần nâng tỷ lệ số trường học có công trình cấp nước và vệ sinh hợp chuẩn.

(Chi tiết xem biểu 6,11 đính kèm).

2. Hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn. Đối tượng được đầu tư là các xã thuộc vùng nông thôn, các trạm y tế chưa có nước và công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn, các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hộ gia đình: Tuyên truyền vận động người dân xây dựng 250 công trình nhà tiêu hộ gia đình, cho 250 hộ gia đình với tổng kinh phí của Chương trình là 250,0 triệu đồng;
- Thanh toán vốn còn thiếu cho các công trình cấp nước và vệ sinh cho trạm y tế đã hoàn thành với tổng kinh phí là 100,0 triệu đồng.

Các công trình đã góp phần cải thiện môi trường, nâng cao sức khỏe cho người dân nông thôn; phục vụ công tác khám chữa bệnh và tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết theo biểu 5, 7, 8, 11 đính kèm).

3. Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, theo dõi và đánh giá Chương trình.

Tổ chức các hoạt động Nâng cao năng lực và truyền thông thay đổi hành vi; tuyên truyền về các hoạt động, nội dung của Chương trình; tập huấn nâng cao năng lực hoạt động kiểm tra, giám sát; Quản lý và giám sát thực hiện Chương trình; phát triển thị trường vệ sinh. Tổng kinh phí thực hiện Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, theo dõi và đánh giá Chương trình là 899,6 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 11 đính kèm).

4. Về vệ sinh toàn xã:

Số xã đã đạt được tình trạng vệ sinh toàn xã sau hai năm, nơi tất cả các trường mẫu giáo, tiểu học, trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh. Trong đó đảm bảo các mục tiêu:

- 70% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- 80% hộ gia đình có điếm rửa tay, có xà phòng hoặc sản phẩm thay thế xà phòng.
- Tất cả các trường học, trạm y tế xã có công trình cấp nước và vệ sinh đạt tiêu chuẩn và có điếm rửa tay hoạt động.

(Chi tiết theo biểu 4,8 đính kèm).

5. Tiến độ thực hiện các dự án cấp nước: (Chi tiết theo biểu 10 đính kèm).

6. Dự kiến chỉ số giải ngân chương trình: (Chi tiết theo biểu 4 đính kèm).

7. Kinh phí thực hiện:

7.1. Dự kiến kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 64.216,5 triệu đồng, trong đó vốn Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả là 57.703,8 triệu đồng; Vốn ngân sách địa phương (hoặc các nguồn huy động khác): 6.512,7 triệu đồng.

7.2. Dự kiến kinh phí thực hiện các hợp phần:

7.2.1. Hợp phần 1: Cấp nước nông thôn: Tổng kinh phí thực hiện là 62.966,9 triệu đồng (Cho các hoạt động thuộc Tiểu hợp phần 1: Cấp nước cho cộng đồng dân cư: 62.966,9 triệu đồng).

7.2.2. Hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn: Tổng kinh phí thực hiện là 350,0 triệu đồng, trong đó: vốn Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả là 100,0 triệu đồng (Chi phí bảo hành công trình cấp nước và vệ sinh cho trạm y tế); Vốn đối ứng của địa phương hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh là 250,0 triệu đồng (mức hỗ trợ tối đa không quá 50USD/công trình tương đương với 1.122.500đ tính làm tròn không quá 1.100.000đ/công trình).

7.2.3. Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, theo dõi và đánh giá Chương trình: 899,6 triệu đồng thuộc nguồn vốn đối ứng của địa phương theo quy định.

(Chi tiết theo biểu 11 đính kèm).

Trên đây là nội dung Kế hoạch Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT
 - BDP CT cấp nước nông thôn
 - UBND tỉnh
 - Sở Giáo dục và Đào tạo;
 - Sở Y tế;
 - Trung tâm KSBT tỉnh;
 - Trung tâm nước sạch & VSMTNT;
 - Lưu VT.
- (Báo cáo);

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Hàm